

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 9 - 2022

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Võ Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1974 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1975 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn Bà Lý Thị H trình bày: Bà và Ông Huỳnh Văn T tự quen biết nhau, qua thời gian tìm hiểu ông bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn, lý do chúng không đăng ký kết hôn do gia đình hai bên không ai chấp nhận và bà cũng không biết chữ nên cũng không am hiểu pháp luật. Chung sống với nhau khi con được 03 tuổi thì chồng bà bỏ đi sống

với người phụ nữ khác nên ông bà đã sống ly thân từ 2006 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Hoài M (nam) sinh ngày 07/9/2003. Do con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn Ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về quá trình chung sống với nhau như vợ chồng và lý do không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên cự cãi nhau. Nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và Bà Lý Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Hoài M (nam) sinh ngày 07/9/2003. Do con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, nhận thấy hôn nhân giữa bà H và ông T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình tố tụng bà H và ông T đồng ý ly hôn với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông T là vợ chồng; Về con chung: Do con chung đã trưởng thành nên đề nghị không đề cập giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không có; Đề nghị buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Lý Thị H và Ông Huỳnh Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn

theo quy định. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T; ông T cư trú tại Ấp A, thị trấn T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bà H và ông T nhưng các đương sự đã có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà H và ông T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa bà H và ông T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên đã ly thân từ năm 2006 đến nay, bà H cho rằng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cho rằng hôn nhân không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà H là vợ chồng nên cho thấy hôn nhân của bà H và ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận. Đến thời điểm Tòa thụ lý giải quyết các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà H và ông T là vợ chồng.

[3.2] Xét về con chung: Bà H và ông T khai thống nhất có 01 con chung tên Huỳnh Hoài M (nam) sinh ngày 07/9/2003. Do con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T khai thống nhất không có nên không xem xét.

[3.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Bà Lý Thị H và Ông Huỳnh Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Hoài M (nam) sinh ngày 07/9/2003. Do con đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Lý Thị Huỳnh đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0011873 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Bà Lý Thị H, bị đơn Ông Huỳnh Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đô